

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày 18 - 01 - 2018
V/v tranh chấp lỗi đi chung và
buộc chấm dứt hành vi cản trở
việc sử dụng lỗi đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hương;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp lỗi đi chung và buộc chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng lỗi đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị B, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nông Văn H, sinh năm 1980 - Có mặt;

2. Anh Nông Văn C, sinh năm 1976 - Có mặt;

3. Bà Nông Thị S, sinh năm 1965 - Có mặt;

4. Chị Nông Thị T, sinh năm 1979 - Có mặt;

5. Chị Hà Thị T, sinh năm 1983 - Có mặt;

6. Ông Lương Văn T1, sinh năm 1971 - Có mặt;
7. Ông Lương Văn M (tên gọi khác: Lương Văn C), sinh năm 1957 - Có mặt;
8. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968 - Có mặt;
9. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1930 - Vắng mặt;
10. Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1965 - Có mặt;
11. Chị Phan Tuyết T, sinh năm 1995 - Vắng mặt;
12. Chị Phan Thị Hồng C, sinh năm 1998 - Vắng mặt;
13. Ông Lương Văn G, sinh năm 1960 - Vắng mặt;
14. Anh Lương Văn T2, sinh năm 1984 - Vắng mặt;
15. Chị Chu Thị Hồng K, sinh năm 1985 - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, chị Phan Tuyết T, chị Phan Thị Hồng C: Ông Phan Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền 07/6/2017 và ngày 20/6/2017) - Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Văn G, anh Lương Văn T2: Bà Nông Thị B, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền ngày 18/8/2017) - Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nông Thị B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phan Văn T và bà Nông Thị B tranh chấp lối đi chung tại thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện C thực hiện ngày 28/7/2017, phần lối đi chung có tranh chấp đã được đổ bê tông, diện tích 37,6m², là một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ địa chính số 50, thị trấn C, huyện C, đo đạc năm 1999, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh như sau:

- Phía Đông giáp cổng nhà ông Phan Văn T và cổng nhà ông Lương Văn M, dài 2,17m;

- Phía Tây giáp đường bê tông dân sinh, không có tranh chấp, dài 2,31m;

- Phía Nam, một phần tiếp giáp đất của ông Lương Văn T1, dài 14,79m; một phần giáp đường dân sinh không có tranh chấp, dài 4,4m;

- Phía Bắc giáp tường rào của bà Đỗ Thị H, dài 17,44m.

Năm 2007, ông Phan Văn T mua tài sản phát mại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện C, tài sản gồm nhà cấp 4 và cây cối, hoa màu trên tổng diện tích 400m² đất tại thôn P, thị trấn C, huyện C, nguồn gốc tài sản là của bà Nông Thị B. Khi ông Phan Văn T mua nhà, đất đã có lối đi chung trong đó có một phần lối đi cắt ngang thửa đất của bà Đỗ Thị H, kéo dài ngang qua cổng nhà ông Lương Văn M và ông Phan Văn T.

Năm 2013, chính quyền địa phương có chương trình bê tông hóa đường dân sinh. Thời điểm này, đường đi chung có 09 gia đình cùng sử dụng, gồm gia đình ông Phan Văn T, bà Nông Thị B, anh Nông Văn H, chị Phan Thị T và anh Nông Văn C, bà Nông Thị S, chị Nông Thị T, chị Hà Thị T, ông Lương Văn T1 và ông Lương Văn M. Tuy nhiên, bà Đỗ Thị H không nhất trí cho đổ bê tông lối đi cắt ngang thửa đất của gia đình. Do đó, 09 hộ gia đình đã thỏa thuận, thống nhất với gia đình bà Đỗ Thị H với nội dung bà Đỗ Thị H sử dụng phần đất mà trước đó là lối đi của các hộ gia đình phía trong và cho 09 hộ gia đình mở lối đi khác trên phần đất phía trước nhà bà Đỗ Thị H. Sau khi thống nhất, 09 hộ gia đình nói trên đã cùng góp tiền mua đá dăm và mỗi hộ đều cử người tham gia đổ bê tông lối đi chung.

Tháng 8 năm 2015, ông Phan Văn T sửa nhà, lợp mái tôn lán ra phía đường ngõ vào nhà bà Nông Thị B nên hai bên xảy ra tranh chấp. Sau khi hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, ông Phan Văn T đã cắt phần mái tôn lợp ngoài phạm vi đất của ông Phan Văn T. Tuy nhiên, bà Nông Thị B cho rằng lối đi chung của 09 hộ gia đình được mở trên đất của bà Nông Thị B nên bà không đồng ý cho ông Phan Văn T tiếp tục đi lại trên lối đi đó; đồng thời bà Nông Thị B đã đào hố tại phần lối đi giáp cổng nhà ông Phan Văn T để cản trở việc đi lại của gia đình ông Phan Văn T.

Do đó, ông Phan Văn T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận lối đi chung, buộc bà Nông Thị B lấp hố đã đào trước cổng nhà ông Phan Văn T và chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông đi lại trên lối đi chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nông Thị B trình bày năm 1990, bà Nông Thị B mua đất của Trại Gà, diện tích khoảng 1.500m²; bố của bà Nông Thị B là ông Nông Văn K cũng mua một phần đất ở phía trong. Sau khi mua đất, bà Nông Thị B đã để ra một phần đất làm lối đi cho ông Nông Văn K và các anh chị em trong gia đình. Năm 2001, bà Nông Thị B chia một phần đất cho ông Lương Văn M và ông Lương Văn T1; năm 2007, do không trả được tiền vay cho Ngân hàng nên bà Nông Thị B đã bàn giao nhà và 400m² đất cho Ngân hàng để phát mại trừ nợ, ông Phan Văn T là người mua tài sản phát mại. Sau khi mua tài sản, ông Phan Văn T đã xây tường bao toàn bộ diện tích đất 400m². Mặc dù 09 hộ gia đình đã cùng góp tiền để mua vật liệu đổ bê tông lối đi chung, nhưng phần đất làm lối đi đang tranh chấp là của bà Nông Thị B, do đó, bà Nông Thị B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

Đại diện các hộ gia đình sử dụng lối đi chung gồm anh Nông Văn H, anh Nông Văn C, bà Nông Thị S, chị Nông Thị T, chị Hà Thị T, ông Lương Văn T1 và ông Lương Văn M đều thừa nhận năm 2013, các hộ gia đình đã thống nhất

với bà Đỗ Thị H về việc sử dụng phần đất phía trước nhà bà Đỗ Thị H để làm lối đi chung của cả 09 hộ; các hộ cũng cùng nhau góp tiền, góp sức để đổ bê tông lối đi chung từ năm 2013. Ngoài ra, các hộ còn cùng nhau góp tiền để mua một phần đất với ông Triệu Văn N, tiếp giáp phần lối đi có tranh chấp để mở lối đi ra đường chính. Các hộ gia đình nói trên không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa ông Phan Văn T và bà Nông Thị B, trường hợp bà Nông Thị B lấy lại phần đất lối đi và mở lối đi khác thì các hộ gia đình nói trên cũng nhất trí.

Bà Đỗ Thị H trình bày, gia đình bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn P, thị trấn C từ năm 1997. Khi đó, trên diện tích đất nhận chuyển nhượng đã có đường đất để các hộ gia đình phía trong đi ra đường chính. Năm 2012, 2013 chính quyền có chủ trương bê tông hóa đường nông thôn, bà Đỗ Thị H không đồng ý cho đổ bê tông trên phần đường đất cũ vì lối đi chia đôi thửa đất. Do đó, các hộ phía trong đã thỏa thuận, thống nhất với gia đình bà Đỗ Thị H, với nội dung gia đình bà Đỗ Thị H sử dụng lối đi cũ, và mở lối đi mới cho các hộ đi qua trước nhà bà Đỗ Thị H. Nay bà Đỗ Thị H giữ nguyên thỏa thuận để phần đất phía trước nhà cho 09 hộ làm lối đi chung.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 248; khoản 2, khoản 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 171, Điều 203 Luật Đất đai; các Điều 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Văn T; công nhận lối đi có diện tích 37,6m², chiều dài là 18,1m, chiều rộng chỗ rộng nhất là 2,5m, chỗ hẹp nhất là 1,8m đang tranh chấp giữa ông Phan Văn T và bà Nông Thị B là lối đi chung, thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ địa chính thị trấn C số 50, có ranh giới tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp công nhà ông Phan Văn T, ông Lương Văn M, chiều rộng là 2,17m;

Phía Tây giáp đường bê tông dân sinh, chiều rộng 2,31m;

Phía Nam một phần giáp đất của ông Lương Văn T1, chiều dài 14,79m; một phần giáp đường dân sinh dài 4,4m;

Phía Bắc giáp tường rào của bà Đỗ Thị H, dài 17,44m.

2. Buộc bà Nông Thị B ngừng thực hiện hành vi cản trở gia đình ông Phan Văn T đi lại tại lối đi ở thôn P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và phải lấp 01 hố đường kính từ 60cm đến 70cm, sâu 30cm, lấn sang công nhà ông Phan Văn T 30cm, trả nguyên trạng.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xem xét, chỉnh lý bản đồ địa chính thể hiện rõ lối đi chung cho đúng thực tế.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 25/9/2017, bà Nông Thị B kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017 ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn; công nhận phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà Nông Thị B và bà Nông Thị B được quyền quyết định về mảnh đất đó.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Thị B thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể, bà Nông Thị B đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận bà Nông Thị B có quyền sử dụng diện tích khoảng 04m² đến 05m² đất ngay trước cổng nhà ông Phan Văn T, hiện nay đang là lối đi chung;

Ông Phan Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nông Thị B;

Bà Đỗ Thị H xác định một phần diện tích lối đi mà ông Phan Văn T yêu cầu Tòa án xác định là lối đi chung là đất của bà Đỗ Thị H, năm 2013, bà Đỗ Thị H đã nhất trí để phần đất đó cho 09 hộ gia đình làm lối đi chung. Phần đất bà Nông Thị B đào hố trước cổng nhà ông Phan Văn T không thuộc đất của gia đình bà Đỗ Thị H;

Đại diện các hộ gia đình đang cùng sử dụng lối đi chung gồm anh Nông Văn H, anh Nông Văn C, bà Nông Thị S, chị Nông Thị T, chị Hà Thị T, ông Lương Văn T1 và ông Lương Văn M thừa nhận trước năm 2013, các hộ gia đình cùng sử dụng lối đi qua đất của bà Đỗ Thị H, kéo dài qua trước ổng nhà ông Lương Văn M, ông Phan Văn T; nhưng phần đất lối đi qua trước nhà ông Phan Văn T và ông Lương Văn M là đất của bà Nông Thị B. Việc ông Phan Văn T và bà Nông Thị B tranh chấp lối đi không ảnh hưởng đến việc đi lại của các hộ gia đình khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của người kháng cáo: Bà Nông Thị B kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo hợp lệ.

Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Năm 2007, ông Phan Văn T mua tài sản phát mại với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện C, diện tích đất là 400m² tại thôn P, thị trấn C, huyện C, có nguồn gốc của bà Nông Thị B, phía trước thửa đất tiếp giáp lối đi chung. Ngày 20/10/2008, ông Phan Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã mua phát mại, là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 50 thị trấn C. Sau khi mua tài sản phát mại, gia đình ông Phan Văn T đã sử dụng

đất và đi lại trên lối đi chung ổn định từ năm 2007, đến năm 2015 mới xảy ra tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thừa nhận lối đi hiện nay là lối đi chung của 09 hộ gia đình. Khoản 3 Điều 254 của Bộ luật Dân sự quy định trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều 254 của Bộ luật Dân sự mà không có đền bù. Do đó, bà Nông Thị B cản trở việc đi lại của gia đình ông Phan Văn T, đào hố trên phần lối đi, đổ rác, đốt rác trong hố đã đào là việc làm vi phạm pháp luật.

Với nội dung phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát xác định kháng cáo của bà Nông Thị B không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Nông Thị B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà Nông Thị B: Tại đơn kháng cáo đề ngày 25/9/2017, bà Nông Thị B yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và công nhận bà Nông Thị B có quyền sử dụng phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nông Thị B thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, xác định một phần lối đi, diện tích khoảng 04m² đến 05m² ngay trước cổng nhà ông Phan Văn T thuộc quyền sử dụng của bà Nông Thị B. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà Nông Thị B không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà Nông Thị B.

[2] Xét kháng cáo của bà Nông Thị B về yêu cầu công nhận một phần đất lối đi chung, diện tích khoảng 04m² đến 05m² trước cổng nhà ông Phan Văn T thuộc quyền sử dụng của bà Nông Thị B thấy rằng, tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 12/5/2008 đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 50 thị trấn C, là thửa đất ông Phan Văn T mua phát mại, đã thể hiện có lối đi; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Phan Văn T ngày 20/10/2008 cũng thể hiện có lối đi tiếp giáp ranh giới phía Tây - Nam của thửa đất số 221. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện các hộ gia đình cùng sử dụng lối đi chung thừa nhận trước năm 2013, các hộ đều sử dụng lối đi qua trước nhà ông Phan Văn T và ông Lương Văn M, qua đường đất thuộc đất của bà Đỗ Thị H để ra đường chính. Từ năm 2013, sau khi thống nhất với gia đình bà Đỗ Thị H, các hộ đã mở lối đi mới qua trước cửa nhà bà Đỗ Thị H, phần lối đi trước nhà ông Phan Văn T không thay đổi.

[3] Đối với phần lối đi tiếp giáp tường rào của gia đình bà Đỗ Thị H, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện các gia đình đang sử dụng lối đi chung, gồm cả ông Phan Văn T và bà Nông Thị B đều thừa nhận năm 2013, 09

hộ gia đình đã thỏa thuận với bà Đỗ Thị H để sử dụng phần đất phía trước nhà bà Đỗ Thị H làm lối đi chung cho 09 hộ; 09 hộ đã cùng nhau góp tiền, góp sức để đổ bê tông lối đi chung. Ngoài ra, các đương sự cũng thừa nhận, năm 2013, ngoài việc góp tiền mua vật liệu đổ bê tông, các hộ gia đình sử dụng lối đi chung còn góp tiền mua một phần đất của ông Triệu Văn N, nối liền với phần lối đi trước cửa nhà bà Đỗ Thị H, để đi ra đường chính.

[4] Như vậy, phần diện tích đất khoảng 04m² đến 05m², là một phần lối đi ngay trước cổng nhà ông Phan Văn T là đất thuộc lối đi chung, đã hình thành và được các hộ dân sinh sống phía trong sử dụng ổn định từ lâu. Việc dành lối đi và thỏa thuận về đường đi chung của các hộ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 254 của Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm xác định toàn bộ phần lối đi có tranh chấp, tổng diện tích 37,6m², trong đó có phần lối đi trước cổng nhà ông Phan Văn T là lối đi chung là có căn cứ. Bà Nông Thị B kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất lối đi trước cổng nhà ông Phan Văn T, diện tích khoảng 04m² đến 05m², thuộc quyền sử dụng của bà Nông Thị B là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nông Thị B kháng cáo Bản án sơ thẩm, nhưng không được chấp nhận, do đó, bà Nông Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 169, Điều 248 và Điều 254 của Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 125, Điều 171 của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nông Thị B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với bà Nông Thị B. Công nhận diện tích đất 37,6m², là một phần thửa đất số 94, tờ bản đồ địa chính số 50, thị trấn C, huyện C là lối đi chung, có ranh giới và kích thước cụ thể như sau (có sơ đồ địa chính khu đất kèm theo):

Phía Đông giáp thửa đất của ông Phan Văn T và ông Lương Văn M, dài 2,17m;

Phía Tây giáp đường bê tông dân sinh, dài 2,31m;

Phía Nam một phần giáp đất của ông Lương Văn T1, dài 14,79m; một phần giáp đường dân sinh, dài 4,4m;

Phía Bắc giáp tường rào của bà Đỗ Thị H, dài 17,44m.

1.2. Buộc bà Nông Thị B lấp một hố, đường kính từ 60cm đến 70cm, sâu 30cm, ở bên trái cổng nhà ông Phan Văn T, trả lại nguyên trạng lối đi;

1.3. Buộc bà Nông Thị B chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng lối đi chung của hộ ông Phan Văn T (vị trí, diện tích, kích thước lối đi chung đã nêu tại mục 1.1).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nông Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2011/03145 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bà Nông Thị B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Lệ Hường